

Phụ lục I

Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	CẤP TỈNH: 149 TTHC					
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (46 TTHC)					
1	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ 1.000028	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.
2	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp	03 ngày làm việc, kể từ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Trực tiếp	Theo quy định tại Thông tư liên tịch	- Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động) 2.000769	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải	2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; - Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.
3	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác 1.000660	Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 05 ngày làm	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra + Trường hợp hỏng báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.				
4	Công bố lại bến xe khách 1.000672	Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra				
5	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ 1.000703	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
6	Cấp lại Giấy phép	05 ngày làm	Bộ phận tiếp	Nộp hồ sơ	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi 2.002286	việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến		CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
7	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng 2.002287	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu chính - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
8	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định 2.002285	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm	Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Phục vụ hành chính công tỉnh			
9	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới 1.010707	2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS 1.002046	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
11	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.002286	đúng theo quy định	quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc 1.001737	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
13	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào 1.002063	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
14	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia 1.001577	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
15	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải 2.002288	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp; bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
16	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại	Trực tiếp; bưu chính; dịch vụ công trực tuyến.	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.002268		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
17	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN 1.010702.	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp; bưu chính; dịch vụ công trực tuyến.	Không	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
18	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN 1.010704	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
19	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu	Không	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.002829	đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	chính hoặc dịch vụ công trực tuyến		động vận tải đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
20	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD 1.002817.	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
21	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia 1.002877	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			công tỉnh			
22	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào 1.002847	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
23	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia 1.000302	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
24	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia 1.001023	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Không	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
25	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào 1.002861	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; dịch vụ công trực tuyến	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
26	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia 1.000321	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
27	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa	02 ngày làm việc, kể từ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Việt Nam và Lào 1.002856	ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến		Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
28	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe 1.001765	- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi đề nghị đến Sở Xây dựng: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn. - Thời hạn Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra, đánh giá: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Cá nhân nộp: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ sở đào tạo lái xe; - Cơ sở đào tạo lái xe nộp: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, văn bản điện tử.	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		theo quy định. - Thời hạn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra				
29	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe 1.004993	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.
30	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái 1.001751	Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn không quá	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		03 ngày làm việc Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản và cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
31	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo 1.001623	- Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.
32	Cấp lại Giấy phép đào	03 ngày làm	Bộ phận tiếp	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo 1.005210	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	hoặc qua dịch vụ bưu chính		CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.
33	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái 1.001777	- Cấp Giấy phép đào tạo: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.
34	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện	- Tiếp nhận hồ sơ: 03	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	- Nộp trực tiếp hoặc qua	Không	Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy 1.013105	ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.		Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy 1.013110	- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây	- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công	Không	Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. - Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm	dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	trực tuyến		nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.				
36	Cấp mới Giấy chứng	- Tiếp nhận	Bộ phận tiếp	- Nộp trực	Không	Thông tư số 46/2024/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới 1.001322	hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến		BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
37	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới 1.001296	- Trường hợp Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống	Không	Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		động kiểm định xe cơ giới do Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. -	của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	dịch vụ công trực tuyến		hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.				
38	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác 1.001046	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
39	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác 1.001061	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
40	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác 1.013061	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
41	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc 1.013276	- Trường hợp không phải lấy ý kiến: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp phải lấy ý kiến: 12 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. + Thời hạn có văn bản chấp thuận: 04 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan				
42	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác 1.013274	01 ngày đối với đám tang, không quá 3,5 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
43	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch 1.013277	- Trường hợp không phải lấy ý kiến: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp phải lấy ý kiến: 12 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ;	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		+ Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. + Thời hạn có văn bản chấp thuận: 04 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan				
44	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.002798		hành chính công tỉnh			giao thông đường bộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
45	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác 1.000314	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật Đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
46	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ 1.000314		của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	công trực tuyến		Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
II LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 21 TTHC						
47	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa 1.004088	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		nghĩa vụ tài chính (nếu có)	hành chính công tỉnh			điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
48	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nội địa 1.004047	theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	thông dịch vụ công trực tuyến		phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
49	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa 1.004036	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
50	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật 2.001711	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
51	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện 1.004002	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
52	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	ký phương tiện 1.003970	định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	công trực tuyến		- Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						cấp cho chính quyền địa phương.
53	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác 1.006391	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
54	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện 1.003930	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
55	Xóa đăng ký phương tiện 2.001659	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
56	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn 1.003135	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	- Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/giấy; - Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/giấy.	- Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
57	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới 1.004261	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy; - Thông tư số 13/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
58	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới 1.004259	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy; - Thông tư số 13/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						tải đường thủy; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
59	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia 1.003640	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	- Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/03/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy; - Thông tư số 13/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
60	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa 2.001998	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa; - Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
61	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa 2.002001	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc hệ thống bưu chính;	Không	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa; - Nghị định số 54/2022/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
62	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải 2.001219	- Thời hạn Sở Xây dựng gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng. - Thời hạn Sở Xây dựng ra văn bản chấp thuận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận				phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.				
63	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa 1.009444	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	100.000 đồng/lần	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ); - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
64	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa 1.009447	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ); - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
65	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp	Không	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.009443	hồ sơ theo quy định	qua giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến		Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
66	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông 1.009465	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ); - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
67	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa 1.009464	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; Qua hệ thống bưu chính; Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
III LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG: 14 TTHC						
68	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh 1.013239	- 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án nhóm A. - 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án nhóm B. - 15 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường;	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			các Ban quản lý: các Khu công nghiệp tỉnh, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã (trường hợp được phân cấp)			CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.
69	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh 1.013234	- 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án nhóm A. - 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với công trình cấp II, cấp III. - 15 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh ,Sở Công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		đối với các công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Ban quản lý: các Khu công nghiệp tỉnh, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)			điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.
70	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	150.000đ/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) 1.013236		tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các Ban quản lý: các Khu công nghiệp tỉnh, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)			một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.
71	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển /Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	150.000đ/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) 1.013238		công tỉnh và các Ban quản lý: các Khu công nghiệp tỉnh, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)			lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.
72	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh các Ban quản lý:	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	150.000đ/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 140/2025/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) 1.013230		các Khu công nghiệp tỉnh, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)			CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.
73	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	150.000đ/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) 1.013231		của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các Ban quản lý: các Khu công nghiệp tỉnh, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)			Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.
74	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	15.000đ/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) 1.013233		dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các Ban quản lý: các Khu công nghiệp tỉnh, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế <i>(theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)</i>			hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.
75	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	Không thu lệ phí	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) 1.013235		Phục vụ hành chính công tỉnh và các Ban quản lý: các Khu công nghiệp tỉnh, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)			- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng.
76	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng 1.013237	- 45 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ (trả kết quả đánh giá hồ sơ) - 10 ngày kể từ ngày có kết quả sát hạch đạt yêu cầu (trả chứng chỉ)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết <i>hành nghề</i>)	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			công tỉnh, hoặc Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện mà mình là hội viên hoặc thành viên của hội viên			CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
77	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng 1.013217	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	150.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
78	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng 1.013219	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Tổ chức Xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
79	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài 1.013222	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	2.000.000 đồng/quyết định	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
80	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài 1.013224	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	2.000.000 đồng/quyết định	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
81	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình 1.013223	14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
IV	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG: 03 TTHC					
82	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương 1.009794	- 30 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt - 20 ngày đối với công trình còn lại kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở NN&MT; Sở Công thương; Ban QL các khu CN tỉnh)	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Không quy định	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số điều và 4 biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
83	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh. 1.009788	14 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Không	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
84	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ) 1.009791	14 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả thực hiện công việc của Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Không	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
V	LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH: 04 TTHC					
85	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động). 1.011705	20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian khắc phục các nội dung trong biên bản đánh giá thực tế của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Không thu lệ phí	- Nghị định 62/202016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP Ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
86	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn			Nộp hồ sơ trực		- Nghị định 62/202016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng). 1.011708	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Không thu lệ phí	ngành xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
87	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp) 1.011710	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Không thu lệ phí	- Nghị định 62/202016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
88	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) 1.011711	20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian khắc phục của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	ông thu lệ phí	- Nghị định 62/2021/NĐ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ quy định điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
VI	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP: 02 TTHC					
89	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương 1.011675	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây	Nộp trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính.	Không thu phí, lệ phí	- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 17/2021/TTBXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng.
90	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Trong thời hạn 26 ngày, kể từ ngày nhận được	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải	Nộp trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính.	Không thu phí, lệ phí	- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	2.001116	hồ sơ hợp lệ	quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			Giám định tư pháp; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 17/2021/TTBXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng; - Thông tư số 11/2020/TTBTP ngày 31/12/2020 của Bộ Tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.
VII	LĨNH VỰC AN TOÀN GIAO THÔNG: 04 TTHC					
91	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ 1.001666	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công	Không có	Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
92	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ 1.001692	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công	Không có	Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						nước của Bộ Xây dựng.
93	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ 1.001725	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công	Không có	Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
94	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ 1.001717	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công	Không có	Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
VIII	LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, KIẾN TRÚC: 11 TTHC					
95	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ	Không quá 06 ngày làm	- Bộ phận tiếp nhận hồ	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc trực	Không	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014156	việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh đối với nhiệm vụ quy hoạch thuộc phạm vi quản lý	tuyên; hoặc qua dịch vụ bưu chính		- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
96	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014158	- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với quy hoạch tổng mặt bằng: 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh đối với quy hoạch thuộc phạm	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản QPPL hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			vi quản lý			nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
97	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc trực tuyến; hoặc qua	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 178/2025/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014155	sơ hợp lệ	qua giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh đối với quy hoạch thuộc phạm vi quản lý	dịch vụ bưu chính	QPPL hướng dẫn Luật phí và lệ phí	CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
98	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014157	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản QPPL hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			công tỉnh - Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh đối với quy hoạch thuộc phạm vi quản lý			chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
99	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn 1.014159	Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản QPPL hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
100	Cấp chứng chỉ hành	12 ngày kể	Bộ phận tiếp	Nộp hồ sơ trực	Theo quy định cụ	- Luật Kiến trúc số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	ngành kiến trúc 1.008891	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	thẻ của Bộ Tài chính	40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
101	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc) 1.008989	04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.
102	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp 1.008990	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Phục vụ hành chính công tỉnh			
103	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc 1.008991	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.
104	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam 1.008992	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.
105	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu	Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.008993		quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	chính		CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.
IX	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ, KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN: 30 TTHC					
106	Thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản 1.013777	16 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15. - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
107	Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công 1.013769	Không quá 24 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Phục vụ hành chính công tỉnh			phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
108	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương 3.000506	- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do nhà đầu tư đề xuất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật trước ngày 01/7/2025: 15 ngày. - Trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, chấp	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; - Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương trước ngày 01/7/2025: 41,5 ngày				
109	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương 3.000507	- Trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất đối với một phần hoặc toàn bộ diện tích đất của dự án hoặc nhà đầu tư đề	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; - Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		xuất dự án chưa được cơ quan nhà nước công bố thông tin về dự án: 26 ngày - Trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, công bố thông tin dự án để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: 41,5 ngày				
110	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội 3.000508	26 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thi điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; - Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			công tỉnh			Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.
111	Thủ tục đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.012904	06 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định của pháp luật về giá, số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ thông tin, dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Điều 14 Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.
112	Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh 1.012883	Không quá 36 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư.
113	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư	Không quá 28 ngày kể	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công 1.012885	từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính		- Nghị định 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư.
114	Thủ tục điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công 1.012886	Không quá 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư.
115	Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023 1.012887	Không quá 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			hành chính công tỉnh			
116	Thủ tục gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài 1.012890	Tối đa 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.
117	Thủ tục cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền của địa phương 1.012891	Không quá 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (gồm không quá 08 ngày, kể từ ngày cơ quan, tổ chức nơi người thuê công tác nhận được đơn đề nghị và không quá 16 ngày,	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		kể từ ngày Sở Xây dựng nhận được văn bản của cơ quan, tổ chức nơi người thuê đang công tác)				
118	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở 1.012892	Không quá 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.
119	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở 1.012897	- Trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		6 năm 2013 (ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành): Không quá 36 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phục vụ hành chính công tỉnh			
120	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Không quá 36 ngày kể	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.012893	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính		- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.
121	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công 1.012894	Không quá 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.
122	Thủ tục cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công 1.012896	Không quá 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			hành chính công tỉnh			
123	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở 1.012897	- Trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành): không quá 36 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		tháng 6 năm 2013: không quá 20 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
124	Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản 1.012906	08 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi sát hạch đạt	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
125	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.012907		hành chính công tỉnh			phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
126	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn) 1.012910	08 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi sát hạch đạt	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
127	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản 1.012900	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.
128	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Nghị định 96/2024/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng) 1.012901	được hồ sơ hợp lệ	quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	dịch vụ bưu chính		ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.
129	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn) 1.012902	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.
130	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở 1.012903	12 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư dự án	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			công tỉnh			
131	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua 1.012905	Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.
132	Thủ tục thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở 1.012882	Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Điều 43 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.
133	Thủ tục thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	Không quá 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.012884		dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
134	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê 1.012898	Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.
135	Thủ tục thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân 1.012895	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.
X	LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG: 01 TTHC					

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
136	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng 1.006871	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; hoặc trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	150.000đ	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 04/2025/TT-BKHCN ngày 31/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
XI	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM: 07 TTHC					
137	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy),	Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ sở đăng kiểm	- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn .	Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu 1.013089				10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.	cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
138	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng 1.013092	- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem	Cơ sở đăng kiểm	- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến.	- Giá dịch vụ in lại giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định tem kiểm định xe cơ giới.	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định đối với xe cơ giới.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.				
139	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo 1.013097	- Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03	Cơ sở đăng kiểm	- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.	Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác. - Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu.				lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.
140	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy 1.013101	- Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến.	Cơ sở đăng kiểm	- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến.	- Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
141	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm	- Thời hạn kiểm tra,	Cơ sở đăng kiểm	- Trực tiếp hoặc qua hệ thống	Thông tư số 238/2016/TT-BTC	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) 1.005103	đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định. + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định,		bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.	ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.				bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
142	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo 1.013206	- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định); - Cấp Giấy chứng nhận: + Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.	Cơ sở đăng kiểm	Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống trực tuyến	Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		+ Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.				mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.
143	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa 1.001284	- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua	Cơ sở đăng kiểm	Trực tiếp; Bưu chính; Trực tuyến	Phí kiểm định tính theo biểu phí ban hành kèm theo Thông tư số 123/2013/TT-BTC ngày 28/08/2013 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.	- Thông tư 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; - Thông tư 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định về giá kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa; - Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		công dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thông nhất thời gian, địa điểm kiểm tra. - Đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm tra, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc (đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km) và 02 ngày làm việc (đối với việc kiểm tra				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo), kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo quy định nếu kết quả kiểm tra phương tiện thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia; thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.				
XII	LĨNH VỰC XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: 06 TTHC					
144	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ 1.013259	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
145	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu	Không	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tiện thủy nội địa 2.002615	đủ hồ sơ hợp lệ	quả giải quyết TTHC của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	chính công ích		hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
146	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép 1.013260	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
147	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	liên quan đến nội dung của Giấy phép 2.002616		Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
148	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ 1.013261	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
149	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng 2.002617	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
B	CẤP XÃ: 39 TTHC					
I	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 23 TTHC					
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa 1.004088	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa 1.004047	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có))	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa 1.004036	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<i>có)</i>				nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật 2.001711	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường			BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
5	Đăng ký lại phương	02 ngày làm	Bộ phận	Trực tiếp;	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện 1.004002	việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến		BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện 1.003970	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác 1.006391	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện 1.003930	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
9	Xóa đăng ký phương tiện 2.001659	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã,	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết chính (nếu có))	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			phường			về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
10	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung 1.005040	Không quá 02 giờ làm việc, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp	Không	- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
11	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu 2.001215	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc Qua hệ thống bưu chính; hoặc Qua cổng dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
12	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước 2.001214	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc Qua hệ thống bưu chính; hoặc Qua cổng dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước 2.001212	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc Qua hệ thống bưu chính; hoặc Qua cổng dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			công các xã, phường			CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
14	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước 2.001211	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc Qua hệ thống bưu chính; hoặc Qua cổng dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
15	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát 2.001217	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc Qua hệ thống bưu chính; hoặc Qua cổng dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
16	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc Qua hệ thống bưu chính; hoặc	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát 2.001218	hợp lệ	quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Qua cổng dịch vụ công trực tuyến		giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
17	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa 1.009444	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	100.000 đồng/lần	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ). - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
18	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa 1.009447	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ); - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
19	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa 1.009452	- Trước khi có văn bản thỏa thuận, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến của Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực, có văn bản trả lời; - Trong thời	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ); - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.				
20	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính 1009453	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ); - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
21	Công bố hoạt động bến thủy nội địa 1.009454	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	100.000 đồng/lần	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ); - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
22	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính 1.009455	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	100.000 đồng/lần	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ); - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
23	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa 1.003658	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	100.000 đồng/lần	- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022; số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ); - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
II LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG: 06 TTHC						
24	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1.013225	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, - Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý.	Nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính	- 150.000đ/ giấy phép dự án; - 15.000đ/giấy phép nhà ở riêng lẻ.	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
25	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1.013229	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường; - Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến	- 150.000đ/ giấy phép dự án; - 75.000đ/giấy phép nhà ở riêng lẻ.	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			phạm vi quản lý của Ban Quản lý.			02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
26	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1.013232	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường - Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của	Nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính	- 150.000đ/ giấy phép dự án; - 75.000đ/giấy phép nhà ở riêng lẻ.	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Ban Quản lý.			- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
27	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1.013226	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường - Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý.	Nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính	- 150.000đ/ giấy phép dự án; - 75.000đ/giấy phép nhà ở riêng lẻ.	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Chính Phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
28	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1.013227	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường - Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý.	Nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính	15.000đ/ giấy phép.	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
29	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1.013228	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường - Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý.	Nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính	Không thu lệ phí	- Luật Xây dựng năm 2014; Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
III LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: 04 TTHC						
30	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ 2.001921	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
31	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	01 ngày đối với đám tang; 3,5	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.013274	ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	thông dịch vụ công trực tuyến		- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng
32	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác 1.000314	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng
33	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác 1.013061	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính; Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đường bộ năm 2024; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
IV	LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, KIẾN TRÚC: 05 TTHC					
34	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ	06 ngày làm việc kể từ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc trực	Không	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014156	ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường - Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đối với quy hoạch thuộc phạm vi Khu công nghiệp	tuyên; hoặc qua dịch vụ bưu chính		- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
35	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014158	- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ - Đối với quy hoạch tổng mặt bằng: 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường - Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đối với quy hoạch thuộc phạm vi Khu công nghiệp	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản QPPL hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hồ sơ hợp lệ				định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
36	Thẩm định nhiệm vụ	12 ngày kể	- Bộ phận tiếp	Nộp hồ sơ trực	Theo quy định của	- Luật Quy hoạch đô thị và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014155	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường - Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đối với quy hoạch thuộc phạm vi Khu công nghiệp	tiếp; hoặc trực tuyến; hoặc qua dịch vụ bưu chính	Luật phí và lệ phí và các văn bản QPPL hướng dẫn Luật phí và lệ phí	nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
37	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập 1.014157	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản QPPL hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			xã, phường - Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đối với quy hoạch thuộc phạm vi Khu công nghiệp			- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.
38	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn 1.014159	Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc trực tuyến, hoặc qua dịch vụ bưu chính	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản QPPL hướng dẫn Luật phí và lệ phí	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
V	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ: 01 TTHC					
39	Công nhận Ban Quản trị nhà chung cư 1.012888	5,5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc nộp trực tuyến; hoặc dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; - Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 và phân cấp cho chính quyền địa phương.